TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ RỦI RO TÍN DỤNG: BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TỪ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Ngày nhận: 01/10/2015
Ngày nhận lại: 05/01/2016
Ngày duyệt đăng: 10/6/2016
Mã số: 6-16-36

Bùi Ngọc Toản (*)

Tóm tắt: *Bài nghiên cứu kiểm định sự tác động của tăng trưởng tín dụng đến rủi ro tín dụng (RRTD) tại 19 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2008-2014. Kết quả nghiên cứu cho thấy RRTD bị tác động bởi tăng trưởng tín dụng ở năm hiện tại và tăng trưởng tín dụng trong quá khứ với độ trễ một năm. Ngoài ra, nghiên cứu cũng tìm thấy tác động của quy mô ngân hàng đến RRTD.*

Từ khóa: *Rủi ro tín dụng, tỷ lệ dự phòng, tăng trưởng tín dụng, ngân hàng thương mại, Việt Nam.*

Giới thiệu

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2009 là một minh chứng rõ nét về bức tranh tăng trưởng tín dụng quá nóng, đặc biệt là các khoản cho vay dưới chuẩn, đã dẫn đến chất lượng tín dụng giảm sút và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu (Sufian và Chong, 2008). Chất lượng tín dụng giảm sút, đồng nghĩa với việc RRTD tăng cao là điều không mong muốn đối với cả cơ quan quản lý nhà nước về tín dụng lẫn các NHTM, song khó tránh khỏi trong thực tiễn. Qua quá trình lược khảo các nghiên cứu trước, tác giả thấy rằng có nhiều công trình về tác động của tăng trưởng tín dụng đến RRTD ngân hàng. Tuy nhiên, còn ít nghiên cứu xem xét sự tác động của tăng trưởng tín dụng đến RRTD với độ trễ. Không chỉ vậy, RRTD là yếu tố khó xác định và hiện nay chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu về cách xác định RRTD. Nghiên cứu này sẽ tiến hành xác định cách đo lường RRTD phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và kiểm định sự tác động của tăng trưởng tín dụng đến RRTD ngân hàng. Qua đó, nghiên cứu sẽ xác định được sự tác động của tăng trưởng tín dụng đến RRTD như thế nào và trong bao lâu. Đây cũng là cơ sở để giúp các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, còn các NHTM đưa ra những chính sách điều hành phù hợp nhằm hạn chế RRTD.

Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm

RRTD là nguy cơ vỡ nợ hoặc giảm giá trị thị trường do những thay đổi trong chất lượng tín dụng của tổ chức tín dụng hoặc khách hàng gây ra (Duffie và Singleton, 2003). Tuy nhiên, RRTD là yếu tố khó xác định. Hiện nay, các nhà nghiên cứu chưa đạt được sự thống nhất về cách xác định RRTD. Thật vậy, Pattarathammas và Mongkonkiattichai (2012) cho rằng RRTD được đo lường thông qua giá trị trích lập dự phòng RRTD. Trong khi đó, RRTD cũng có thể được đo lường bằng cách lấy tỷ lệ nợ xấu chia cho tổng dư nợ cho vay (Sufian và Chong, 2008; Said và Tumin, 2011; Thiagarajan, Ayyappan và Ramachandran, 2011; Olweny và Shipho, 2011). Để xác định được RRTD, các NHTM được nghiên cứu phải công bố đầy đủ nợ xấu của mình, có như vậy bài nghiên cứu mới đạt được kết quả đáng tin cậy. Ở một số nghiên cứu khác, Laeven và Majnoni (2002), Zribi và Boujelbène (2011) cho rằng, RRTD được thể hiện thông qua tỷ lệ giá trị trích lập dự phòng RRTD chia cho tổng tài sản của ngân hàng, vì các tác giả